

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 25/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà **Châu Thị Chúc**

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Bà **Võ Thị Bé Năm** – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38 /2017/HS-ST, ngày 21 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Phi H** sinh ngày 28 tháng 4 năm 1999; ĐKTT: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn D, sinh năm 1978 và bà Đào Kim L, sinh năm 1976; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ và chuyển tạm giam từ ngày 19/10/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Ông Thanh B**, sinh năm 1958, nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà **Bùi Thị Mỹ T**, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác: Bà **Bùi Thị Thúy L**, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 19/10/2017, Đặng Phi H đi bộ dọc trên theo tuyến tỉnh lộ 938 (h- ống từ thành phố S vào huyện M, tỉnh Sóc Trăng), nhằm mục đích quan sát nếu thấy ai để tài sản, không có ng- ời trông giữ, thì sẽ thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến quán cà phê “H”, thuộc ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì H phát hiện một xe mô tô, biển kiểm soát 83F5-1178, của ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1983 (ngụ cùng ấp) đang dựng tr- ớc quán, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Tiếp đó, H đứng quan sát thấy bà Bùi Thị Mỹ T (vợ ông T) và bà Nguyễn Thị Thúy L (em vợ ông Thanh) đứng trong quán bán hàng cho học sinh, thì H lén lút đi đến ngồi lên xe mô tô nói trên, chuyển h- ống cho đầu xe quay h- ống ra lộ nhựa, rồi mở khóa xe, khởi động xe nổ máy định chạy đi, thì lúc này bà L và bà T phát hiện, truy hô, nên ông T cùng quần chúng nhân dân và lực l- ợng Công an xã An Ninh, đuổi theo, bắt quả tang đối với Đặng Phi H và thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô nói trên, rồi bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để thụ lý điều tra theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/2017/HĐĐG-TCKH, ngày 23/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, kết luận: tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 83F5-1178, nhãn hiệu Darling số khung: DRL11001000632, số máy: 53FM01000632, tại thời điểm ngày 19/10/2017 có giá trị thành tiền là 2.625.000 đồng.

Đến ngày 25/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Đặng Phi H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tạm giữ :

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 83F5-1178, nhãn hiệu Darling, số khung: DRL11001000632, số máy: 53FM01000632.
- 01 cái bóp da (ví da) của nam, màu đen, không nhãn hiệu.
- 01 giấy phép lái xe (hạng A1), số AM698532, tên Đặng Văn H
- 01 giấy chứng minh nhân dân, số 365874364, tên Trần Thị Huyền T
- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe mô tô - xe máy, số XM170757716.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định xử lý vật chứng số 43/QĐ ngày 25/10/2017, bằng hình thức giao trả xe mô tô, biển kiểm soát 83F5-1178 cho người bị hại Nguyễn Tuấn T; các quyết định xử lý vật chứng số 46/QĐ, 47/QĐ cùng ngày 09/11/2017 bằng hình thức giao trả: 01 cái bóp da, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ sở hữu là ông

Đặng Văn H; giao trả: 01 giấy chứng minh nhân dân cho chủ sở hữu bà Trần Thị Huyền T.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản là xe mô tô, biển kiểm soát 83F5-1178 đã được thu hồi kịp thời, không bị hư hỏng và đã được giao trả cho người bị hại Nguyễn Tuấn T, nên bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét.

Tại cáo trạng số 41/QĐ-KSĐT, ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố Đặng Phi H về tội ‘Trộm cắp tài sản’ theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng như đã nêu trên, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên.

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Phi H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[2] Từ những tình tiết trong vụ án cho thấy, hành vi của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô, biển kiểm soát 83F5-1178 của người bị hại Nguyễn Tuấn T. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của

người khác. Như vậy, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Cũng cần xem xét hiện nay tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với chính quyền. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm khắc hành vi trộm cắp này để răn đe, giáo dục và cũng để phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1, Điều 138; các điểm h, p, Khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 33; Điều 45 bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị tuyên phạt bị cáo Đặng Phi H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Khoản 1, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại các điểm h, p, Khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Tuấn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bị cáo Đặng Phi H là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 138; các Điểm h, p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46; Điều 33; Điều 45; Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 2, Điều 136; Điều 299 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Khoản 1, Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Phi H** 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Phi H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH; NCLQ;
- Chi cục THACT;
- Cơ quan THA hình sự Công an CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn